

Bản án số: 395/2017/HSPT
Ngày: 11/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân
2. Ông Huỳnh Văn Trực

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Võ Thị Diệp – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 350/HSPT ngày 26/6/2017 đối với bị cáo Phạm Minh Q do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:

Phạm Minh Q; giới tính: Nam; sinh năm 1990, tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Tổ 9, Khu X, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Ngọc L (chết) và bà Bùi Kim S; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2016 đến ngày 24/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận I và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18/12/2016, tại trước địa chỉ số 123 Đường K, Khu phố G, Phường TQ, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận I bắt quả tang Phạm Minh Q có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ của Q 01 gói giấy nylon bên trong chứa tinh thể không màu. Số ma túy này Q khai mua của một thanh niên tên N (không rõ lai lịch) tại khu vực Đường K, Khu phố G, Phường TQ, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 2.000.000 đồng để sử dụng. Khi Q chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang.

Theo Kết luận giám định số 166/KLGD-H ngày 29/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Chất tinh thể không màu bên trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Minh Q và hình dấu Công an Phường TQ, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,1407 gram, loại Methamphetamine”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 144/2016/QH13 về lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành; áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù nhưng trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 18/12/2016 đến ngày 24/01/2017.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của bị cáo.

Ngày 24/5/2017, bị cáo Q kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 07/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã vận dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là đã có lợi cho bị cáo nhưng tiếp tục áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa nghiêm nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Q khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu:

Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 là đã có lợi cho bị cáo nhưng tiếp tục áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tội này là chưa nghiêm, chưa thể hiện được tính giáo dục đấu tranh phòng, chống ma túy. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Q nhưng do bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới cũng như căn cứ để xem xét, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Bị cáo và kiểm sát viên đều thống nhất xác định bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh của bị cáo.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như có nhân thân tốt, tuổi đời còn trẻ, thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc thành phần lao động, có người thân trong gia đình là thương binh hạng $\frac{3}{4}$ nên áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng và đã có lợi cho bị cáo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tội này là chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, chưa đảm bảo tác dụng giáo dục, phòng chống ma túy tại thời điểm hiện nay. Đồng thời, tại phiên tòa bị cáo Q không cung cấp thêm được chứng cứ, tài liệu nào mới để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Do đó:

- Có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt tù đối với bị cáo Q.

- Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh Q.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Sửa Bản án sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Q 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2016 đến ngày 24/01/2017.

2. Bị cáo Phạm Minh Q phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận I; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Quận I; (1)
- Trại giam (2)
- Bị cáo; (1)
- TAND Quận I; (2)
- Công an Quận I; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình